

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số:100/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Phong Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Bà Lưu Thị Thôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào hồi, 08 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 606/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/9/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thùy A – sinh năm 1976

Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

\* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh D – sinh năm 1973

Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Lê Thị Thùy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Ông bà đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó nghĩ vì con, cho ông

D cơ hội sửa sai, về chung sống lại cũng không hạnh phúc nên bà tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung, bà và ông D có 02 con là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 09/12/1997 (đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Nguyễn Lê Minh E, sinh ngày 23/11/2004. Hiện nay cháu E đang ở với ông D tại nhà của hai vợ chồng ở khu phố B, phường C, còn bà ở nhà mẹ ruột. Để cuộc sống của cháu được ổn định về mọi mặt bà giao cháu E cho ông D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con cho ông D 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Vụ án không tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Thanh D cư trú tại khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Ông D không tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ giữa bà Lê Thị Thùy A và ông Nguyễn Thanh D: Bà A và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Và Ủy ban nhân dân phường C cũng xác nhận trong sổ lưu kết hôn của UBND phường C từ năm 1997 đến nay không có tên đăng ký kết hôn của bà A và ông D. Xét quan hệ bà A và ông D chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2019 đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà A và ông D là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà A và ông D có 02 con là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 09/12/1997 (đã trưởng thành và có khả năng lao động). Cháu Nguyễn Lê Minh E, sinh

ngày 23/11/2004, hiện nay cháu đang ở với ông D. Bà A yêu cầu giao con cho ông D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi cháu E, bà có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông D hàng tháng 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà A là phù hợp với nguyện vọng của cháu E, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế và nhu cầu thiết yếu của cháu E. Để cuộc sống của cháu được ổn định về mọi mặt nên giao cho ông D được quyền nuôi dưỡng cháu E. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà A.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

*Vì những lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ **Áp dụng:** Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

#### 2/ **Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Thùy A và ông Nguyễn Thanh D là quan hệ vợ chồng.

- **Về con chung:** Giao cho ông Nguyễn Thanh D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Minh E (giới tính nữ), sinh ngày 23/11/2004. Bà A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho ông D 1.000.000 đồng (một triệu) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu E tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, bà A và ông D vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- **Về án phí:** Bà Lê Thị Thùy A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0028072 ngày 25/9/2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(29/11/2019). Ông D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Thu   Lưu Thị Thôi**

**Phạm Phong Lan**